

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 66/2021/HS-ST

Ngày 14-6-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Hoài Dinh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Mai Văn Thắm**

2. Ông **Nguyễn Văn Trọn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Cao Trọng K; sinh năm 1986, tại tỉnh T; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh T; Nơi cư trú hiện nay: khu phố H, phường HT, thị xã Th, tỉnh TN; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Trọng Q, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: có 02 người; Tiền án: Tại Bản án số 60 ngày 17/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 8 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại Bản án số 29 ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tiền sự: không có; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và có 02 tiền án; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2021, đến ngày 27/01/2021 bị tạm giam cho đến nay. *Có mặt.*

2. Thảo A Đ; sinh năm 2000, tại tỉnh H; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn T, xã S, huyện B, tỉnh H; Nơi cư trú hiện nay: khu phố H, phường HT,

thị xã Th, tỉnh TN; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: mông; Giới tính: nam; Tôn giáo: tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thào A Tr, sinh năm 1977 và bà Húng Thị S, sinh năm 1978; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào; Bị cáo bị tạm giữ ngày 18-01-2021, đến ngày 27-01-2021 bị tạm giam cho đến nay. *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Thào A Đ: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Đặng Thanh X, sinh năm: 1983. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh TN.

2/ Bà Đoàn Thị Mỹ L, sinh năm: 1967. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 1, Khu phố Th, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

3/ Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1999. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khu phố L, phường G, thị xã TB, tỉnh TN.

4/ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1980. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh K.

Tạm trú: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

5/ Bà Cao Thị H, sinh năm: 1973. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

6/ Bà Võ Kim Á, sinh năm: 1961. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện D, tỉnh TN.

7/ Bà Trần Thị Kim Á1, sinh năm: 1968. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khu phố HL, phường A, thị xã B, tỉnh TN.

Tạm trú: Ấp TS, xã Th, thị xã B, tỉnh TN.

8/ Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm: 1978. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp P, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

9/ Chị Đặng Thị Mỹ Lệ D, sinh năm: 1980. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp L, xã LG, huyện BC, tỉnh TN.

Tạm trú: Ấp P, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

10/ Chị Lê Thị Kim H2, sinh năm: 2002. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp T, xã TT, huyện TC, tỉnh TN.

11/ Bà Phan Thị H3, sinh năm: 1962. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp X, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

12/ Bà Dương Thị G, sinh năm: 1962. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 1, khu phố T, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

13/ Anh Mai Trung L, sinh năm: 1984. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 1, khu phố T, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

14/ Chị Phạm Thu Th1, sinh năm: 1982. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 1, khu phố T, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

15/ Anh Lý Văn Th2, sinh năm: 1981. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp P, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tạm trú: Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 16/ Bà Phan Thị K, sinh năm 1973. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 17/ Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1982. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp T, xã Th, thị xã TB, tỉnh TN.
 18/ Bà Lưu Thị Kim H5, sinh năm: 1970. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh TN.
 19/ Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm: 1985. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 20/ Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1991. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ô 1, khu phố T, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.
 21/ Ông Bùi Công T, sinh năm: 1978. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 2, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 22/ Bà Lê Thị Thu H6, sinh năm: 1979. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện D, tỉnh TN.
 23/ Chị Trương Thị Thúy H7, sinh năm: 1999. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 24/ Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm: 1970. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Phường H, thành phố TĐ, Thành phố HCM.
 Tạm trú: Ấp N, xã BN, huyện D, tỉnh TN.
 25/ Ông Trương Quốc V, sinh năm: 1978. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 26/ Bà Lê Thị M, sinh năm: 1958. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện D, tỉnh TN.
 27/ Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm: 1977. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 2, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 28/ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm: 1967. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Tổ 42, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh TN.
 29/ Chị Trần Thị H8, sinh năm: 1982. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: KP2, phường P, thành phố TDM, tỉnh BD.
 Tạm trú: Ấp P, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 30/ Chị Võ Thị Thanh Th, sinh năm: 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 31/ Chị Trần Thị H9, sinh năm: 1996. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Khu phố 4, phường 3, thành phố TN, tỉnh TN.
 32/ Chị Nguyễn Thị Lê N, sinh năm: 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Khu phố N, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN.
 33/ Bà Lê Thị T, sinh năm: 1974. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Khu phố L, phường LTB, thị xã HT, tỉnh TN.
 34/ Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1962. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Khu phố L, phường LTB, thị xã HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2020, các đối tượng tên C và H không rõ lý lịch đến thuê nhà tại địa chỉ số 19, đường Lạc Long Quân, khu phố H, phường HT, thị xã HT, tỉnh TN, để tiến hành hoạt động cho vay lãi nặng. Khoảng tháng 11/2020, C và H thuê Thào A Đ đến ở tại nhà số 19 để giúp sức trong việc cho vay lãi nặng. Đ được phân công nhiệm vụ là thu tiền lãi hàng ngày của những người vay tiền của H và C ở khu vực thị xã HT và thành phố TN, tỉnh TN, rồi giao lại cho H thì được trả công 6.000.000 đồng/tháng. Ngày 16/12/2020, C và H thuê Cao Trọng K đến ở số nhà 19 cùng với Đ giúp sức cho C và H trong việc cho vay lãi nặng. K được H và C giao nhiệm vụ đi phát tờ rơi quảng cáo việc cho vay cùng với Đ; đồng thời được H và C giao tiền để trực tiếp cho vay lãi nặng tại khu vực huyện GD, huyện D và thị xã TB, tỉnh TN, thì được trả công 7.000.000 đồng/tháng.

Khi người có nhu cầu muốn vay tiền góp sẽ trực tiếp liên lạc với số điện thoại in tên tờ rơi quảng cáo. C, H hoặc K sẽ đến nhà, nơi ở, nơi làm việc của người vay tiền để biết địa chỉ và thỏa thuận số tiền vay, mức lãi suất, thời hạn trả và yêu cầu cung cấp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, các giấy tờ cá nhân có liên quan. Đồng thời, để tránh bị phát hiện, khi cho vay tiền, C, H và K không lập hợp đồng vay, chỉ ghi số tiền người vay phải trả mà không ghi cụ thể số tiền lãi, người vay tiền không được giữ giấy vay tiền và khi thu tiền vay không viết phiếu thu. Hình thức cho vay tiền góp là khi cho vay tiền các đối tượng trừ 20% trên tổng số tiền vay, trong đó 10% là tiền phí đi thu tiền trả góp hàng ngày, 10% là tiền trả góp của ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của dây nợ, chỉ đưa cho người vay 80% số tiền gốc, số tiền trả góp hàng ngày bằng 5% số tiền gốc, trả góp trong 25 ngày. Hàng ngày, K và Đ đi cho vay và thu tiền trả góp; cuối ngày báo cáo việc cho vay và chuyển toàn bộ số tiền thu được cho C và H.

Đ và K đã giúp sức cho đối tượng H và C tiến hành cho 39 người vay tiền trên địa bàn huyện GD, huyện D, thị xã HT, thị xã TB và thành phố TN, tỉnh TN, bao gồm: Dương Thị G, Đoàn Thị Mỹ L, Nguyễn Minh T, Mai Trung L, Phạm Thu Th, Lê Thị Thu H, Phan Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Đặng Thanh X, Phạm Thị Mỹ L1, Võ Kim Á, Trần Thị Kim Á1, Trương Quốc V, Nguyễn Thu H2, Lê Thị M, Nguyễn Thị H3, Trần Thị H4, Huỳnh Thị G, Lưu Thị Kim H5, Võ Thị Thanh Th1, Nguyễn Thị H6, Phan Thị K, Lê Thị Kim H7, Trương Thị Thúy H8, Bùi Công T, Cao Thị H9, Nguyễn Thị Th2, Lý Văn Th3, Đặng Thị Mỹ Lệ D, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Lê Ng, Lê Thị T, Trần Thị H10, người tên Nga, Phương, Duyên, Hiền, Dung, với tổng số tiền cho vay 418.000.000 đồng với mức lãi suất là 365%/năm, vượt gấp 5 lần trở lên 265 %/năm so với mức lãi suất cao nhất (20 %/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 106.114.550 đồng.

Đến ngày 14/01/2021, bị Công an thị xã Hòa Thành phát hiện và phối hợp với công an huyện Gò Dầu tiến hành khám xét nơi ở của Đ và K thu giữ các giấy tờ, sổ sách và một số vật chứng có liên quan.

Từ khi giúp sức cho đối tượng H và C trong hoạt động cho vay đến ngày bị bắt, Đ được trả công 5.000.000 đồng, K được trả công 7.000.000 đồng

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 356273041837132; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, bị hư hỏng vỡ mặt kính không hoạt động; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám- đen, khóa mặt khóa, không kiểm tra được số Imei; 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, số Imei1: 356171086877940, số Imei2: 356171086877957, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, có ốp lưng màu đen, không hoạt động; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng – trắng, số Imei: 352979092406023, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Espero, màu sơn nâu, biển số: 70AA-036.96, dung tích xi lanh 50 cm³, số khung RPEWCBIPEEA*035616, số máy VDEJ0139FMB*035616, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070689601 mang tên Cao Trọng K; 01 giấy chứng minh nhân dân số 073640129 mang tên Thảo A Đ; tiền Việt Nam 750.000 đồng. Tất cả đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu tạm giữ chờ xử lý. Đối với 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả những người vay tiền đều không yêu cầu người cho vay trả lại số tiền lãi đóng vượt quy định.

Về kê biên tài sản: Do các bị cáo Đ và K không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Cáo trạng số: 50/CT-VKSGD ngày 30-3-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố các bị cáo Cao Trọng K và Thảo A Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Trong quá trình điều tra, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Hữu Lộc bào chữa cho bị cáo Thảo A Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cách tính thời hạn tạm giữ đối với bị cáo Đ. Vì bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-01-2021 nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát lại tính bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-01-2021. Đối với hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo Đ không phạm tội. Vì bị cáo Đ chỉ giúp sức đi thu tiền cho vay của 04 người cho đối tượng tên H thôi, số tiền thu lợi bất chính chưa đến 30.000.000 đồng, bị cáo Đ đi thu tiền độc lập với bị cáo K, không thu tiền chung nên không cấu thành tội phạm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Trọng K mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thảo A Đ mức án tù 04 tháng 23 ngày (*bằng với thời gian đã tạm giữ, tạm giam*) đến 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 356273041837132; 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số Imei1: 356171086877940, số Imei2: 356171086877957, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng – trắng, số Imei: 352979092406023, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Espero, màu sơn nâu, biển số: 70AA-036.96, dung tích xi lanh 50 cm³, số khung RPEWCBIPPEA*035616, số máy VDEJ0139FMB*035616, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 750.000 đồng; tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, bị hư hỏng vỡ mặt kính, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám- đen, khóa mặt khóa, không kiểm tra được số Imei; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, có ốp lưng màu đen, không hoạt động được; trả lại cho bị cáo K 01 giấy chứng minh nhân dân; trả lại cho bị cáo Đ 01 giấy chứng minh nhân dân.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo K, Đ và người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-01-2021 nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát lại tính bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-01-2021, nhưng theo hồ sơ thể hiện đến ngày 18-01-2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra mới thực hiện các thủ tục tạm giữ đối với các bị cáo, nên lời trình bày của các bị cáo và người bào chữa là không có cơ sở. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Từ đầu tháng 11/2020 đến ngày 14/01/2021, trên địa bàn huyện Gò Dầu, huyện Dương Minh Châu, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Thảo A Đ và Cao Trọng K đã có hành vi giúp sức cho các đối tượng tên H và C cho 39 người

vay tiền với tổng số tiền cho vay 418.000.000 đồng, với mức lãi suất 365%/năm, vượt gấp 5 lần trở lên 265 %/năm so với mức lãi suất cao nhất (20 %/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, H và C thu lợi bất chính số tiền 106.114.550 đồng thì bị phát hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Hành vi của các bị cáo Cao Trọng K và Thảo A Đ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với người tên C và H không rõ lý lịch, địa chỉ, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[3] Mặc dù vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, đã xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo K đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Do các bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Mặc dù các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Nên trong trường hợp này, các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo đều là đồng phạm với vai trò giúp sức cho đối tượng tên H, C, nhưng bị cáo K là người đã giúp sức tích cực hơn bị cáo Đ và có nhân thân xấu, nên bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Đ trong vụ án.

[5] Đối với đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời bào chữa cho bị cáo Đ của ông Nguyễn Hữu Lộc thấy rằng, đối với yêu cầu tính thời hạn tạm giữ bị cáo Đ là từ ngày 14-01-2021 chứ không phải từ ngày 18-01-2021, Hội đồng xét xử không chấp nhận vì ngày 14-01-2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu chỉ mời bị cáo Đ làm việc chứ

không có giữ người, đến ngày 18-01-2021 mới ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, nên thời hạn tạm giữ bị cáo Đ được tính từ ngày 18-01-2021 là phù hợp.

Đối với đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ không phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Đ và bị cáo K được các đối tượng tên H, C thuê nhà để sống chung, sinh hoạt chung với nhau, sử dụng chung phương tiện đi thu tiền cho vay, chi phí sinh hoạt do H, C chu cấp chung cho hai bị cáo. Tại các bút lục số 103, 104 bị cáo Đ khai làm thuê cho C và H mỗi tháng 6.000.000 đồng, có tháng H trả tiền công, có tháng C trả tiền công. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh đối tượng tên C và H cùng bỏ tiền ra cho vay và thuê các bị cáo đi thu tiền, nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền mà C, H đã cho vay và thu lãi. Do đó, không chấp nhận yêu cầu này của người bào chữa cho bị cáo Đ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo K, Đ đều là người làm thuê, giúp sức cho các đối tượng tên H, C, số tiền cho vay và tiền lãi thu được không phải là của các bị cáo. Hiện nay các đối tượng tên H, C Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ giải quyết về trách nhiệm dân sự sau.

[8] Các biện pháp tư pháp:

- 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay được đưa vào hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 356273041837132; 01 điện thoại di động hiệu IteL, màu đen, số Imei1: 356171086877940, số Imei2: 356171086877957, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng – trắng, số Imei: 352979092406023, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Espero, màu sơn nâu, biển số: 70AA-036.96, dung tích xi lanh 50 cm³, số khung RPEWCBIPPEA*035616, số máy VDEJ0139FMB*035616, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiền Việt Nam 750.000 đồng là của những người tên H và C đưa cho các bị cáo dùng vào mục đích phục vụ việc thu tiền cho vay, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 070689601 mang tên Cao Trọng K; 01 giấy chứng minh nhân dân số 073640129 mang tên Thảo A Đ là giấy tờ tùy thân của các bị cáo, cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, bị hư hỏng vỡ mặt kính không hoạt động các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám- đen, khóa mật khẩu, không kiểm tra được số Imei; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, có ốp lưng màu đen, không hoạt động được các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng không còn sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Do Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo có tội, bị kết án. Nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Cao Trọng K và Thào A Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Cao Trọng K 06 (sáu) tháng tù. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-01-2021.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Thào A Đ 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-01-2021. Ghi nhận bị cáo Đồng đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị Thào A Đ, nếu bị cáo Thào A Đ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2/ Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 356273041837132; 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số Imei1: 356171086877940, số Imei2: 356171086877957, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng – trắng, số Imei: 352979092406023, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Espero, màu sơn nâu, biển số: 70AA-036.96, dung tích xi lanh 50 cm³, số khung RPEWCBIPEEA*035616, số máy VDEJ0139FMB*035616, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 750.000 đồng.

Tuyên trả lại cho bị cáo Cao Trọng K: 01 giấy chứng minh nhân dân số 070689601 mang tên Cao Trọng K.

Tuyên trả lại cho bị cáo Thào A Đ: 01 giấy chứng minh nhân dân số 073640129 mang tên Thào A Đ.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, bị hư hỏng vỡ mặt kính không hoạt động; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám- đen, khóa mật khẩu, không kiểm tra được số Imei; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng – trắng, có ốp lưng màu đen, không hoạt động.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu)

3/ Án phí: Căn cứ các Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Cao Trọng K, Thào A Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ CA huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ T

